

UBND QUẬN KIẾN AN
TRƯỜNG TIỂU HỌC QUANG TRUNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

THÔNG BÁO
Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường tiểu học, năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp	13/13 lớp	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	13	-
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ, mượn	0	-
III	Số điểm trường	1	-
IV	Tổng diện tích đất (m²)	994 m ²	994/370=2,7
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	300 m ²	300/370=0,81
VI	Tổng diện tích các phòng	m²	Số m²/học sinh
1	Diện tích phòng học (m ²)	450 m ²	450/370=1,2
2	Diện tích thư viện (m ²)	36 m ²	36/370=0,97
3	Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m ²)	0	-
4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m ²)	0	-
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m ²)	0	-
6	Diện tích phòng học tin học (m ²)	30 m ²	30/370=0,8
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m ²)	36 m ²	36/370=0,97
8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m ²)	0	-
9	Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m ²)	36 m ²	36/370=0,97
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	Bộ	Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	13	13/13
1.1	Khối lớp 1	04	01/01
1.2	Khối lớp 2	03	01/01

1.3	Khối lớp 3	02	01/01
1.4	Khối lớp 4	02	01/01
1.5	Khối lớp 5	02	01/01
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	0	0
2.1	Khối lớp 1	0	
2.2	Khối lớp 2	0	
2.3	Khối lớp 3	0	
2.4	Khối lớp 4	0	
2.5	Khối lớp 5	0	
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	19	02 bộ/1 HS
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	13	01/01
2	Cát xét	01	01/11
3	Đầu Video/đầu đĩa	01	01/11
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	01	01/11
5	Thiết bị khác: máy tính	11	01/01

	Nội dung	Số lượng (m²)
X	Nhà bếp	35
XI	Nhà ăn	0

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	0 m ²	0	0 hs/chỗ
XIII	Khu nội trú	0	0	0

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m²/học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	01	0	03	0	330/370=0,9
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0	0	0	0	0

(* Theo Quyết định số 41/2010/QĐ-BGĐT ngày 31/12/2010 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu – điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

		Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

Kiến An, ngày 10 tháng 9 năm 2023



 HỌ TÊN TRƯỞNG

 TRƯỜNG

 TIỂU HỌC

 QUANG TRUNG

 Nguyễn Thị Lan